

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 05 tháng 3 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Bà Đỗ Ngọc Thùy.**
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Đỗ Quang Khánh
Bà Nguyễn Thị Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Kim Yến – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 504/2023/TLST ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1961.

Căn cước công dân số: 025061003095 cấp ngày 07/8/2022, tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Khu dân cư T, phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Phòng A1904, Tòa A, Chung cư T, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1967.

Căn cước công dân: 025167003583, cấp ngày 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Khu dân cư T, phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Phòng A1904, Tòa A, Chung cư T, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Đồng Nam Đ – Công ty Luật TNHH Đ – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

(Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa do Bà T không yêu cầu ông Đàn tham gia phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú cũ (nay là tỉnh Phú Thọ).

Vợ chồng chung sống với nhau tại thị xã Phú Thọ và nẩy sinh mâu thuẫn nghiêm trọng từ năm 2005. Nguyên nhân do ông bà không còn chung quan điểm sống, không còn sự tin tưởng về lòng chung thủy của nhau và không có sự chia sẻ trong cuộc sống, công việc. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, mặc dù vẫn sống chung một nhà. Lý do vợ chồng đã mâu thuẫn từ 17 năm nay nhưng không ly hôn vì các con còn nhỏ, cần để cho các con có môi trường phát triển bình thường. Ngoài ra, bà T đã viết đơn tố cáo gửi đến cơ quan làm ảnh hưởng đến sự phấn đấu của ông H trong công việc, sự nghiệp nên ông H phải nhẫn nhịn. Sau khi bố mẹ ông H mất, bà T chỉ đến thắp hương ngày giỗ và đi về như người ngoài chứ không tham gia ăn uống như dâu con trong nhà. Năm 2014, khi ông H phát hiện ra mối quan hệ tình cảm của bà Thanh ngoài hôn nhân, bà T đã chủ động làm đơn ly hôn nhưng ông H chưa đồng ý vì con trai thứ hai chưa thi đại học. Cuộc hôn nhân vẫn tồn tại với sự ràng buộc là con cái và duy trì trên nền tảng là trách nhiệm với con cái, danh dự sự nghiệp của vợ chồng cũng như tài sản đã cùng nhau gây dựng chứ không còn tình cảm vợ chồng.

Năm 2021, ông H nghỉ hưu, năm 2022 con trai thứ 2 đã tốt nghiệp đại học nên ông H muốn sắp xếp lại cuộc sống của vợ chồng và các con, đặc biệt là vấn đề kinh tế và tài sản. Ông H muốn phân chia rõ ràng cho các con để các con có cơ hội sử dụng tài sản xây dựng sự nghiệp cũng như phát triển bản thân khi còn trẻ. Tuy nhiên, khi vợ chồng bàn bạc thì nẩy sinh về việc quản lý, khai thác và định đoạt tài sản chung vợ chồng. Lúc này hai bên bất đồng nghiêm trọng về cách giải quyết và mâu thuẫn đã âm ỉ từ lâu nay bùng lên đến đỉnh điểm. Ông H xác định đã không còn tình cảm vợ chồng từ nhiều năm nay. Đến nay, bà T lại muốn giữ toàn bộ tài sản mà ông đã gây dựng nhưng không có quyền can thiệp nên ông cảm thấy không còn được tôn trọng, bị tổn thương. Tháng 5 năm 2023, khi ông H đặt vấn đề ly hôn, bà T đồng ý, bà T đã viết bản thỏa thuận xác định hai bên đồng thuận ly hôn và chia tài sản cho vợ chồng, cho các con, hai bên đã ký nhưng sau đó không thực hiện được nên không thể thuận tình ly hôn. Nay, ông H xác định vợ chồng đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn đơn phương. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Thanh.

- Về Con chung: Ông H xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 02 con chung: Nguyễn Hồng N, sinh năm 1990, đã trưởng thành và lập gia đình riêng;

Nguyễn Việt D, sinh năm 1999, đã trưởng thành, đã tốt nghiệp đại học và đi làm. Ông H không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về Tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng có khối tài sản sau:

1. Nhà 3 tầng, sàn 50m² tại số 18, phố P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên bà T. Nguồn gốc là vợ chồng mua đất của di bà T và xây nhà ở. Đây là nơi sinh sống và buôn bán chính của vợ chồng. Hiện nhà đang khóa cửa, không ai ở.

2. Nhà đất ông H được thừa kế của bố mẹ, diện tích khoảng 180m² tại số 2A T, thị xã Phú Thọ. Đã xây nhà trọ cho sinh viên thuê từ năm 2010. Đang cho thuê đến năm 2025. Đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng.

3. Khu nhà vườn được ghép từ 4 thửa đất, diện tích khoảng hơn 3000m², địa chỉ ở Trại bà N, khu 4, xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ. Trên đã xây nhà sàn năm 2021. Nguồn gốc là ông Hải mua dần của các hộ dân. Hiện nay đang làm trang trại. Trong 4 mảnh đất thì có 03 mảnh là nhờ con gái đứng tên trong đồ vào tháng 4 năm 2022. Còn 01 mảnh đứng tên 2 vợ chồng.

4. Căn hộ A 1904, Tòa A, Chung cư T, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Diện tích 116m². Chưa được cấp giấy chứng nhận, mới ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư do ông H thiếu tiền chưa thanh toán hết, bên chủ đầu tư cũng đang vướng thủ tục nên chưa cấp sổ được.

Ông H xác định không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

- Về Nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Bị đơn – bà Nguyễn Thị Phương T có tự khai và lời khai tại Tòa án như sau:***

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hồng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú cũ (nay là tỉnh Phú Thọ).

Bà T cho rằng các lời trình bày của ông H tại Tòa án đều là ngụy biện, đưa ra lý do để rời bỏ gia đình. Bản thân bà không ghen tuông mù quáng, không làm những việc như làm đơn và gây ảnh hưởng đến sự nghiệp của chồng. Bà đã từng phát hiện ông H quan hệ với người phụ nữ tên L – Phòng đào tạo nơi trường ông H công tác. Bà cũng chỉ đến gặp chồng bà L để thông báo và nói chuyện. Còn bản thân bà vẫn muốn giữ gia đình cho các con. Bà khẳng định không làm gì ảnh hưởng đến sự nghiệp của chồng mà là do cơ quan ông H mẫu thuẫn nội bộ, người ta chứng mất thì người ta tố cáo.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông H nhiều lần có những mối quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng bà đều bỏ qua nếu không ảnh hưởng quá lớn đến gia đình. Năm 2014, khi phát hiện ông H có quan hệ với một sinh viên, bà đã thông báo cho bố chồng và anh cả chồng. Ông H có hứa nếu xảy ra chuyện gì thì vợ chồng ly hôn,

ông Hải ra đi tay trắng nhưng bà T đã bỏ tờ giấy mà ông H viết. Bà thừa nhận vợ chồng đã ly thân nhưng chỉ từ năm 2019 chứ không phải từ năm 2006 như ông Hải trình bày.

Đầu năm 2023, thì ông H đề xuất ly hôn, bà T không muốn nín giữ người dứt áo ra đi và trao đổi nếu ông H vẫn muốn ly hôn thì phải đảm bảo cuộc sống cho 4 người trong gia đình. Bà đã viết giấy về việc thỏa thuận chia tài sản, nếu ông H đồng ý thì ly hôn. Sau đó ông H không đồng ý nữa nên việc đó đã dừng lại. Đến nay, bà T xác định, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn sống chung một nhà, cuộc sống vẫn diễn ra bình thường nên bà không đồng ý ly hôn. Lý do bà không đồng ý là vì cả hai đều đã lớn tuổi, cần yên ổn để sống tuổi già. Các con đang trưởng thành, cần sự có mặt của cả bố mẹ, tránh xáo trộn trong việc phát triển sự nghiệp và xây dựng gia đình. Bản thân ông H ly hôn vì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên T, từng là sinh viên của ông Hải, đã có chồng con. Bà đã theo dõi và tìm hiểu nhưng chưa có chứng cứ cụ thể.

- Về Con chung: Bà T xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 02 con chung Nguyễn Hồng N, sinh năm 1990, đã trưởng thành và lập gia đình riêng; Nguyễn Việt D, sinh năm 1999, đã trưởng thành, đã tốt nghiệp đại học và đi làm nên bà không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về Tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng có khối tài sản sau:

1. Nhà 3 tầng, sàn 55,8m² tại Số 87, phố P, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên bà T. Nguồn gốc là vợ chồng mua đất của dì bà T năm 1995 và xây nhà năm 1997, vợ chồng đã sinh sống và buôn bán ở đó. Đây vẫn là nhà chính của vợ chồng. Hiện ông bà vẫn đang quản lý.

2. Nhà đất diện tích khoảng 120m² tại số 14A T, phường A, thị xã Phú Thọ. Đang cho thuê đến năm 2025. Đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên hai vợ chồng.

3. Khu nhà vườn được ghép từ 4 thửa đất, diện tích khoảng hơn 4300m², địa chỉ ở Trại bà N, khu 4, xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ. Trên đã xây nhà sàn năm 2021, trên thửa đất 300m thổ cư đứng tên bà Thanh trong giấy chứng nhận. 3 mảnh tổng diện 4000m² đất vườn đang đứng tên người khác (nhờ đứng hộ). 3 thửa đất diện tích khoảng 1100 m² thì vợ chồng bà đã làm giấy tặng cho con gái và đã con gái bà đã được cấp sổ đỏ vào tháng 4 năm 2022.

4. Căn hộ A1904, Tòa A, Chung cư T, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Diện tích 116m². Chưa được cấp giấy chứng nhận, mới ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư do vợ chồng thiếu tiền chưa thanh toán hết, bên chủ đầu tư cũng đang vướng thủ tục nên chưa cấp sổ được. Hiện nay hai vợ chồng bà và con trai đang ở.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

- Về Nợ chung: Bà Thanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Bà T không đồng ý ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy không tham gia phiên tòa nên không có quan điểm về tố tụng cũng như nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của nguyên đơn, bị đơn trả lời và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông Nguyễn Hồng H xin ly hôn bà Nguyễn Thị Phương T. Ông bà cùng cư trú tại: Phòng A1904, Tòa A, Chung cư T, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- **Về Quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T cùng xác nhận vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú cũ (nay là tỉnh Phú Thọ). Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông H, bà T xác nhận, quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không có lòng tin vào sự chung thủy của nhau. Cả ông H và bà T cùng khai phát hiện nhiều lần đối phương không chung thủy, phản bội hôn nhân, nhưng đều vì con cái và thể diện, sự nghiệp, danh dự của bản thân và đối phương nên không ly hôn. Đầu năm 2023, hai bên đã thỏa thuận ly hôn nhưng có vướng mắc về việc chia tài sản nên không đồng thuận. Hai bên xác nhận vẫn sống chung một nhà nhưng mỗi người một việc, không ai quan tâm ai, không còn sự chia sẻ, chăm sóc và tôn trọng nhau, đã có thời gian ly thân tương đối dài. Ông H xin ly hôn, bà T không đồng ý vì hai bên đã lớn tuổi, cần yên ổn tuổi già và các con trong giai đoạn trưởng thành, phân đầu.

Hội đồng xét xử xét thấy, mẫu thuẫn vợ chồng ông H, bà T đã hình thành từ nhiều năm, không được giải quyết triệt để. Hai bên đã không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên cũng xác nhận ly thân

hiều năm nay mặc dù ở chung một nhà. Việc ông bà sống ly thân là vi phạm nghĩa vụ chung sống với nhau mà không phải do vợ chồng thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập... và lý do chính đáng khác.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bản thân ông không còn tình cảm với bà T và không thể hàn gắn. Bà T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không mong muốn đoàn tụ, bà cũng không đưa ra được phương án để hóa giải mâu thuẫn mà hoàn toàn cho rằng chồng mình xin ly hôn vì có người phụ nữ khác. Bà không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến phát triển của các con và do việc chia tài sản chưa thỏa thuận được. Điều này thể hiện, việc không đồng ý ly hôn của bà T không xuất phát từ mong muốn đoàn tụ với ông H, để xây dựng cuộc sống hôn nhân với mối quan hệ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và theo lẽ thông thường.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử kết luận, hôn nhân của ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ cần được chấp nhận. Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu không ly hôn của bà T. Hội đồng xét xử quyết định cho ông Hải được ly hôn bà T.

- **Về Con chung:** Ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T có 02 con chung: Nguyễn Hồng N, sinh năm 1990 và Nguyễn Việt D, sinh năm 1999, đều đã thành niên, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về Tài sản chung:** Ông Nguyễn Hồng và bà Nguyễn Thị Phương T xác nhận có khối tài sản gồm:

+ Nhà 3 tầng, sàn 55,8m² tại Số 87, phố P, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên bà Thanh;

+ Nhà đất diện tích khoảng 120m² tại số 14A T, phường A, thị xã Phú Thọ. Đang cho thuê đến năm 2025. Đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng.

+ Khu nhà vườn được ghép từ 4 thửa đất, diện tích khoảng hơn 4300m², địa chỉ ở Trại bà N, khu 4, xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ. Trên đã xây nhà sàn năm 2021, trên thửa đất 300m thổ cư đứng tên bà T trong giấy chứng nhận. 3 mảnh tổng diện 4000m² đất vườn đang đứng tên người khác. 3 thửa đất diện tích khoảng 1100 m², ông bà đã làm giấy tặng cho con gái Nguyễn Hồng N. Chị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tháng 4 năm 2022.

+ Căn hộ 1904, Tòa A, Chung cư T, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Diện tích 116m². Chưa được cấp giấy chứng nhận, mới ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư.

Ông H và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Thị Phương T về việc chia tài sản chung bằng một vụ kiện khác, khi có yêu cầu.

- **Về Nợ chung:** Ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Án phí: Ông Nguyễn Hồng H là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của ông Nguyễn Hồng H. Ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương T.

2/ Về con chung: Con chung Nguyễn Hồng N sinh năm 1990 và Nguyễn Việt D, sinh năm 1999 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

3/ Về tài sản, nhà đất, vay nợ chung: Ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Hồng H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa